

I

HIỆP ĐỊNH GIỮA CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ BUNGARI VỀ KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ

Chính phủ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam và Chính phủ cộng hoà Bungari, sau đây được gọi là “Các Bên ký kết”,

Với mong muốn phát triển sự hợp tác giữa hai quốc gia,

Nhằm thúc đẩy và tăng cường những điều kiện thuận lợi đối với đầu tư của các nhà đầu tư của một Bên ký kết trên lãnh thổ của Bên ký kết kia trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi,

Nhận thấy rằng sự khuyến khích và bảo đảm đầu tư theo Hiệp định này sẽ thúc đẩy các sáng kiến trong lĩnh vực này.

Đã thoả thuận như sau:

Điều 1

1 - Thuật ngữ “đầu tư” theo mục đích Hiệp định này là bất kỳ loại tài sản nào được đầu tư bởi một nhà đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia dưới một trong những hình thức sau đây:

a. Quyền sở hữu tài sản và bất kỳ quyền thực tế nào như thế chấp, cầm cố hoặc các quyền tương tự.

b. Cổ phần, cổ phiếu hoặc các loại chứng khoán tham gia vào các công ty;

c. Khiếu nại về nợ cũng như các quyền có giá trị kinh tế khác ;

d. Quyền tác giả và các quyền tương tự, các quyền trong lĩnh vực công nghiệp, và quyền sở hữu trí tuệ (như bản quyền, bằng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu thương mại và tên thương mại), quy trình kỹ thuật, bí quyết kỹ thuật và uy tín kinh doanh;

e. Tô nhượng kinh doanh theo luật, hợp đồng hoặc quy định hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và đặc biệt về thăm dò, chế biến, tinh chế hoặc khai thác tài nguyên thiên nhiên.

Các đầu tư này phải được thực hiện phù hợp với pháp luật và các quy định trên lãnh thổ của Bên ký kết kia.

Sự thay đổi về hình thức đầu tư không làm ảnh hưởng đến bản chất của đầu tư, miễn là sự thay đổi đó không trái với luật pháp của bên ký kết liên quan.

2- Thuật ngữ “thu nhập” là toàn bộ số tiền thu được từ đầu tư, như lợi nhuận, cổ tức, các khoản lãi và các khoản thu nhập hợp pháp khác.

3- Thuật ngữ “nhà đầu tư” liên quan tới mỗi Bên ký kết:

a. Một thể nhân mang quốc tịch của một Bên ký kết phù hợp với pháp luật của Bên ký kết đó.

b. Bất kỳ một công ty, tổ chức, tập đoàn có hoặc không có tư cách pháp nhân được thành lập theo pháp luật của một Bên ký kết và có trụ sở đặt trên lãnh thổ của Bên ký kết đó.

4- Thuật ngữ “lãnh thổ” là vùng lãnh thổ thuộc chủ quyền của Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt nam và vùng lãnh thổ thuộc chủ quyền của Cộng hoà Bungari bao gồm lãnh hải, thềm lục địa và vùng đặc quyền về kinh tế mà quốc gia đó đang thực hiện quyền chủ quyền hoặc quyền tài phán phù hợp với luật pháp Quốc tế.

Điều 2

1. Mỗi Bên ký kết sẽ khuyến khích và bảo hộ trên lãnh thổ nước mình các đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết kia và chấp nhận các đầu tư đó theo pháp luật và quy định của nước mình và dành cho các đầu tư đó sự đối xử và bảo hộ công bằng và bình đẳng.

2. Trong trường hợp tái đầu tư các khoản thu nhập từ đầu tư thì các khoản tái đầu tư thu nhập đó sẽ được bảo hộ như các khoản đầu tư ban đầu.

3. Mỗi Bên ký kết sẽ xem xét một cách thuận lợi trên cơ sở luật và quy định của mình những vấn đề liên quan đến việc nhập cảnh, cư trú, làm việc và đi lại trên lãnh thổ của mình của các công dân của Bên ký kết kia đang thực hiện các hoạt động liên quan đến các đầu tư được quy định trong hiệp định này và các thành viên gia đình của họ.

Điều 3

1. Không một Bên ký kết nào được dành cho các đầu tư của các nhà đầu tư của Bên ký kết kia trên lãnh thổ nước mình sự đối xử kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho các đầu tư của các nhà đầu tư của bất kỳ quốc gia thứ ba nào.

2. Không một bên ký kết nào được dành cho các nhà đầu tư của Bên ký kết kia, về việc duy trì, sử dụng và quản lý các đầu tư của họ trên lãnh thổ nước mình, sự đối xử kém thuận lợi hơn việc đối xử dành cho các nhà đầu tư của bất kỳ quốc gia thứ ba nào.

3. Những quy định của khoản 1 và 2 của Điều này không được hiểu là trách nhiệm của một Bên ký kết phải dành cho các nhà đầu tư của bên ký kết kia những đặc quyền dành cho các nhà đầu tư của một quốc gia thứ ba trên cơ sở:

a) Tham gia hoặc gia nhập liên minh thuế quan hoặc khu vực mậu dịch tự do, các cộng đồng kinh tế hoặc các tổ chức quốc tế tương tự hiện có hoặc trong tương lai.

b) Các hiệp định tránh đánh thuế trùng.

4. Đối với các quy định tại khoản 1 và 2 của điều này, mỗi Bên ký kết, phù hợp với pháp luật của mình dành cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia và các đầu tư của họ sự đối xử không kém thuận lợi hơn đối với nhà đầu tư nước mình và đầu tư của các nhà đầu tư nước mình.

Điều 4

Các nhà đầu tư của một bên ký kết mà các khoản đầu tư của họ bị thiệt hại trên lãnh thổ của Bên ký kết kia do nguyên nhân chiến tranh, xung đột vũ trang, tình trạng khẩn cấp hoặc các sự kiện tương tự được hưởng sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho các nhà đầu tư của bất kỳ quốc gia thứ ba nào.

Điều 5

1. Các điều khoản đầu tư do các nhà đầu tư của một Bên ký kết thực hiện trên lãnh thổ của Bên ký kết kia không bị tước đoạt quyền sở hữu hoặc quốc hữu hoá ngoại trừ theo Luật, vì lợi ích công cộng trên cơ sở không phân biệt đối xử và bồi thường thích đáng.

Các điều kiện tương tự cũng được áp dụng đối với việc chuyển đầu tư thành tài sản công cộng, đặt dưới sự kiểm soát công khai cũng như mọi hình thức tước đoạt quyền sở hữu khác hoặc hạn chế các quyền sở hữu tài sản thông qua các biện pháp thuộc chủ quyền mà hậu quả là tước đoạt quyền sở hữu.

2. Khoản bồi thường sẽ bằng giá thị trường của các khoản đầu tư, được tính vào ngay trước ngày quyết định quốc hữu hoá có hiệu lực, sẽ được trả không chậm trễ và sẽ được tính cả lãi xuất hàng năm tương đương với lãi xuất LIBOR 12 tháng đối với loại tiền tệ đã được sử dụng để đầu tư cho đến thời điểm thanh toán. Bất kỳ một sự giảm giá trên thực tế mà việc quốc hữu hoá sắp xảy ra được tuyên bố sẽ không được xem xét khi đánh giá số tiền bồi thường. Việc thanh toán khoản bồi thường sẽ được chuyển tự do ra nước ngoài.

Điều 6

1. Mỗi Bên ký kết sẽ cho phép các nhà đầu tư của Bên ký kết kia, sau khi đã hoàn tất các nghĩa vụ thuế, được tự do chuyển:

a. Vốn các khoản bổ sung với mục đích duy trì hoặc mở rộng đầu tư;

b. Các khoản thu nhập từ đầu tư;

c. Các khoản thu được từ việc bán hoặc thanh lý toàn bộ hoặc một phần đầu tư;

d. Số tiền cần thiết để thanh toán các chi phí phát sinh từ hoạt động đầu tư như:

- Hoàn trả vốn vay
- Thanh toán phí bản quyền và bằng sáng chế
- Các khoản thanh toán chi phí khác

e. Khoản bồi hoàn trả theo Điều 5.

f. Phần tiền công mà các công dân của Bên ký kết kia nhận được do các công việc hoặc các dịch vụ liên quan đến các đầu tư thực hiện trên lãnh thổ Bên ký kết đó, theo pháp luật và những quy định của Bên ký kết đó.

2. Việc chuyển nói tại khoản trên được thực hiện không chậm trễ, theo tỷ giá công bố vào thời điểm chuyển trên lãnh thổ của Bên ký kết nơi đầu tư được thực hiện.

3. Phù hợp với những quy định pháp lý của mỗi Bên ký kết, tất cả các khoản chuyển theo Điều này sẽ được đối xử không kém thuận lợi hơn các khoản chuyển của đầu tư do nhà đầu tư của bất kỳ quốc gia thứ ba nào thực hiện.

Điều 7

Một Bên ký kết, theo sự đảm bảo dành cho đầu tư thực hiện trên lãnh thổ của Bên ký kết kia, thanh toán cho một trong các nhà đầu tư nước mình, theo sự thể quyền, được thực hiện các quyền và các hoạt động cũng như thực hiện các nghĩa vụ của nhà đầu tư đó. Việc thể quyền các quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư được bảo lãnh bao gồm cả quyền chuyển các khoản thanh toán nêu tại Điều 6. Bên ký kết thanh toán không có quyền hoặc thực hiện các nghĩa vụ lớn hơn quyền hoặc các nghĩa vụ của nhà đầu tư đó.

Điều 8

1. Tranh chấp giữa các Bên ký kết liên quan đến giải thích và áp dụng Hiệp định cần được giải quyết nếu có thể, thông qua đàm phán giữa các Bên.

2. Nếu tranh chấp giữa các Bên ký kết không thể giải quyết được trong vòng 6 tháng kể từ khi bắt đầu đàm phán, thì vụ tranh chấp sẽ được đưa ra trọng tài theo yêu cầu của một trong các Bên ký kết.

3. Toà án trọng tài được thành lập cho từng vụ riêng biệt theo cách sau:

Trong vòng 3 tháng kể từ khi nhận được yêu cầu xét xử trọng tài, mỗi Bên ký kết sẽ cử một thành viên của toà án trọng tài. Hai thành viên đó sẽ chọn một công dân của một quốc gia thứ ba được sự đồng ý của các Bên ký kết sẽ được chỉ định làm chủ tịch toà án trọng tài. Chủ tịch phải được chỉ định trong vòng hai tháng kể từ khi chỉ định hai thành viên kia.

4. Nếu trong thời hạn ghi tại tài khoản 3 Điều này mà không thực hiện được các chỉ định cần thiết, thì mỗi Bên ký kết, trong trường hợp không có sự thoả thuận nào khác, sẽ yêu cầu Chủ tịch toà án quốc tế ở Hague thực hiện các chỉ định cần thiết. Nếu Chủ tịch là công dân của một Bên ký kết hoặc vì một lý do nào khác không thể thực hiện được chức năng trên, thì Phó Chủ tịch sẽ thực hiện các chỉ định cần thiết. Nếu Phó Chủ tịch là công dân của một Bên ký kết hoặc cũng vì lý do nào đó không thể thực hiện được chức năng trên thì thành viên cao cấp tiếp theo của toà án Quốc tế mà không phải là công dân của một Bên ký kết, sẽ thực hiện các chỉ định cần thiết.

5. Toà án trọng tài sẽ quyết định trên cơ sở những điều khoản của Hiệp định này, được ký giữa các Bên ký kết, cũng như các nguyên tắc được thừa nhận chung và các quy tắc của luật quốc tế. Toà án trọng tài sẽ quyết định theo đa số phiếu. Quyết định đó sẽ là cuối cùng và bắt buộc đối với các Bên ký kết. Toà án trọng tài sẽ quy định thủ tục của mình.

6. Mỗi Bên ký kết chịu các chi phí cho thành viên của mình tại toà án và cho việc đại diện của mình trong quá trình xét xử. Chi phí cho Chủ tịch và chi phí khác sẽ được chia đều cho các Bên ký kết.

Điều 9

1. Tranh chấp giữa nhà đầu tư của một Bên ký kết với một Bên ký kết kia liên quan đến nghĩa vụ của Bên ký kết đó theo Hiệp định này, về đầu tư của nhà đầu tư đó, trong chừng mực có thể, sẽ được các Bên tranh chấp giải quyết thông qua hoà giải.

2. Nếu tranh chấp không được giải quyết trong vòng 6 tháng kể từ ngày một Bên đưa yêu cầu giải quyết bằng hoà giải, thì nhà đầu tư có thể đưa vụ tranh chấp ra:

- Một toà án có thẩm quyền hoặc trọng tài của Bên ký kết mà Bên ký kết đó là một bên của vụ tranh chấp; hoặc

- Trong trường hợp vụ tranh chấp liên quan đến Điều 5 và 6 của Hiệp định này, thì nhà đầu tư liên quan có thể chọn và đưa vụ tranh chấp ra trọng tài ad hoc được thành lập theo Quy tắc Trọng tài của Ủy ban Liên hợp quốc về Luật Thương mại Quốc tế (UNCITRAL).

3. Toà án trọng tài sẽ ra quyết định trên cơ sở luật quốc gia và các quy định của Bên ký kết mà Bên ký kết là một bên của vụ tranh chấp, những điều khoản của Hiệp định này cũng như các nguyên tắc chung của luật quốc tế.

4. Quyết định trọng tài là cuối cùng và bắt buộc đối với các bên tranh chấp và các Bên ký kết sẽ thi hành quyết định phù hợp với pháp luật quốc gia của nước mình.

5. Mỗi bên tranh chấp sẽ chịu chi phí cho trọng tài viên và việc đại diện của mình trong quá trình xét xử, chi phí cho Chủ tịch và các chi phí khác được chia đều cho các bên tranh chấp.

Trong pháp luật quốc gia của mỗi Bên ký kết hoặc các hiệp định quốc tế được áp dụng hiện tại hoặc trong tương lai giữa Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hoà Bungari hoặc các hiệp định quốc tế khác mà các Bên ký kết tham gia có các quy định về nguyên tắc hoặc cụ thể dành cho đầu tư của nhà đầu tư Bên ký kết kia một sự đối xử thuận lợi hơn quy định trong Hiệp định này thì các quy định ưu đãi hơn đó được áp dụng.

Điều 11

Mỗi Bên ký kết có thể đề nghị Bên ký kết kia tham gia các cuộc trao đổi ý kiến về các vấn đề liên quan đến việc thực hiện hoặc giải thích Hiệp định này. Bên ký kết kia sẽ tổ chức các cuộc trao đổi ý kiến cần thiết.

Điều 12

Những điều khoản của Hiệp định này sẽ áp dụng đối với đầu tư của các nhà đầu tư của một Bên ký kết trên lãnh thổ của Bên ký kết kia được thực hiện sau ngày Hiệp định này có hiệu lực.

Điều 13

1. Hiệp định này được phê chuẩn hoặc phê duyệt phù hợp với quy định pháp luật của mỗi Bên ký kết và có hiệu lực sau 30 ngày kể từ khi hai Bên ký kết nhận được thông báo cho nhau bằng văn bản về việc đã hoàn thành các yêu cầu pháp lý cần thiết để Hiệp định có hiệu lực. Hiệp định có hiệu lực trong thời hạn 10 năm và mặc nhiên kéo dài trong từng giai đoạn 5 năm một trừ khi một trong các Bên ký kết thông báo bằng văn bản cho Bên ký kết kia ít nhất là 12 tháng trước khi Hiệp định hết thời hạn về việc chấm dứt Hiệp định.

2. Đối với những đầu tư thực hiện trước ngày mà Bên ký kết kia nhận được thông báo về chấm dứt Hiệp định này thì các quy định

của Điều 1 đến Điều 12 sẽ tiếp tục có hiệu lực thêm 10 năm nữa kể từ ngày đó.

Để chứng thực cho những điều nói trên đây, những người ký tên dưới đây được uỷ quyền hợp lệ của Chính phủ mình đã ký Hiệp định này.

Làm thành hai bản tại Xô-phi-a ngày 19 tháng 09 năm 1996 bằng tiếng Việt, tiếng Bungari và tiếng Anh, các bản đều có giá trị ngang nhau. Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau, thì sẽ căn cứ vào bản tiếng Anh.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM



THAY MẶT CHÍNH PHỦ
CỘNG HOÀ BUNGARI



AGREEMENT

BETWEEN

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

AND

THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF BULGARIA

ON MUTUAL PROMOTION AND PROTECTION OF INVESTMENTS

The Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of the Republic of Bulgaria, hereinafter referred to as "Contracting Parties",

Desiring to develop the economic cooperation between the two States,

Preoccupied to encouraging and creating favourable conditions for investments of investors of one Contracting Party in the territory of the other Contracting Party on the basis of equality and mutual benefit,

Conscious that the mutual promotion and protection of investments, in accordance with the present Agreement, stimulates the initiatives in this field,

HAVE AGREED AS FOLLOWS:

ARTICLE 1

For the purposes of this Agreement:

1. The term "investments" shall mean, every kind of assets invested by an investor of the one Contracting Party in the territory of the other Contracting Party in one of the following forms:

- a) property rights and any other real rights as well as real rights such as mortgages and pledges or other similar rights;
- b) shares, stocks or other securities materialising participation in companies;
- c) outstanding claims as well as any other rights having economic value;
- d) copyrights and similar rights, rights in the field of industrial and intellectual property (such as patents, licences, industrial design, trademarks and trade names), technical processes, know-how and goodwill;
- e) business concessions, conferred by law, under a contract or an administrative act of a competent state authority, and in particular for exploration, processing, extraction or exploitation of natural resources;

The investments should be made in accordance with the laws and regulations in the territory of the respective Contracting Party.

A subsequent change of the form in which the investments have been made shall not affect their substance as investments, provided that such a change does not contradict the laws of the relevant Contracting Party in which territory the investments have been made.

2. The term "returns" shall comprise all amount yielded by the investments, such as profits, dividends, interest and other lawful income.

3. The term "investor" shall mean with regard to either Contracting Party:

- a) a natural person having the citizenship of the Contracting Party in accordance with its applicable legislation;
- b) any company, organisation or association with or without juridical personality, incorporated or constituted in accordance with the legislation of the Contracting Party with a seat in its territory;

4. The term "territory" shall mean the territory under the sovereignty of the Socialist Republic of Vietnam, on the one hand, and of the Republic of Bulgaria, on

the other hand, including the territorial sea, as well as the continental shelf and the exclusive economic zone, over which the respective State exercise sovereign rights and jurisdiction in conformity with international law.

ARTICLE 2

1. Each Contracting Party shall promote and protect in its territory investments of investors of the other Contracting Party and admit such investments in accordance with its laws and regulations and accord them fair and equitable treatment and protection.

2. In case of reinvestment of returns from the investments, these reinvestments and their returns shall enjoy the same protection as the initial investments.

3. Each Contracting Party shall consider favourably and in compliance with its laws and regulations questions concerning entry, stay, work and movement in its territory of nationals of the other Contracting Party who carry out activities connected with the investments as defined in the present Agreement and of their families forming part of their household.

ARTICLE 3

1. Neither Contracting Party shall accord to investments made in its territory by investors of the other Contracting Party, treatment less favourable than that accorded to investments made by investors of any third State.

2. Neither Contracting Party shall accord to investors of the other Contracting Party, as regards maintenance, use and management of their investments in its territory, treatment less favourable than that accorded to investors of any third State.

3. The provisions of paragraph 1 and 2 of this Article shall not be construed so as to oblige either Contracting Party to extend to the investors of the other Contracting Party the privileges accorded to investors of a third State based on:

a) participation in, or association with existing or future customs union or free trade area, economic communities or similar international institutions or,

b) agreements on avoidance of double taxation.

4. In addition to the provisions of paragraphs 1 and 2 of this Article each Contracting Party shall accord, in compliance with its legislation, treatment to the investors of the other Contracting Party and their investments no less favourable than that accorded to its own investors and their investments.

ARTICLE 4

Investors of a Contracting Party whose investments suffer losses in the territory of the other Contracting Party owing to war, other armed conflict, state of emergency or other similar events shall be accorded treatment no less favourable than that accorded to investors of any third State.

ARTICLE 5

1. Investments made by investors from one of the Contracting Parties in the territory of the other Contracting Party shall not be expropriated or nationalised except by virtue of law, in the public interest, on a non-discriminatory basis and against preliminary and adequate compensation.

The same conditions shall also apply for the transition of the investment to public property, positioning under public control, as well as any other deprivation or limitation of the property rights through sovereign measures which in their consequences are tantamount to expropriation.

2. The compensation shall amount to the market value of the investments concerned immediately before the date of the entry into force of the act of expropriation, shall be paid without delay and shall carry an annual rate of interest equal to 12 months LIBOR quoted for the currency in which the investments have been made until the time of payment. Any value reduction due to the fact that the impending expropriation has become public knowledge, shall not be taken into consideration when evaluating the amount of the compensation due. The payment of such compensation shall be freely transferable.

ARTICLE 6

1. Each Contracting Party shall permit investors of the other Contracting Party, after the fulfilment of all their tax obligations, the free transfer of:

- a) capital and additional amounts intended to maintain or increase the investment;
- b) returns from the investment;

- c) proceeds obtained from the sale or the total or partial liquidation of the investment;
- d) the sums required for payment of the expenses which arise from the operation of the investment, such as:
 - loan repayments,
 - payment of patents or licence fees,
 - payment of other expenses;
- e) compensation payable in accordance with Article 5;
- f) part of the remuneration received by the nationals of the other Contracting Party for work or services done in connection with investments made in its territory, in accordance with its laws and regulations.

2. The transfers referred to in the preceding paragraph shall be made without delay, at the exchange rate prevailing on the date of the transfer in the territory of the Contracting Party where the investment was made.

3. In accordance with the legislation of either Contracting Party all transfers subject to this Article shall be treated not less favourably than that accorded to the transfers of an investment made by an investor of any third State.

ARTICLE 7

A Contracting Party having, by virtue of a guarantee given for an investment made in the territory of the other Contracting Party, made payment to one of its own investors is, by virtue of subrogation, entitled to exercise the rights and actions as well as to assume the obligations of the said investor. The subrogation in the rights and obligations of the ensured investor extends also to the right of transfer of the payments mentioned in Article 6. The paying Contracting Party cannot obtain rights or assume obligations greater than those of the ensured investor.

ARTICLE 8

1. Disputes between the Contracting Parties concerning the interpretation and application of this Agreement shall, as far as possible, be settled through negotiations between the Contracting Parties.

2. If a dispute between the Contracting Parties cannot thus be settled within six months after the beginning of negotiations, it shall, upon the request of either Contracting Party, be submitted to an arbitral tribunal.

3. Such an arbitral tribunal shall be constituted for each individual case in the following way:

Within three months from the receipt of the request for arbitration, each Contracting Party shall appoint one member of the tribunal. Those two members shall then select a national of a third State who on approval by the two Contracting Parties shall be appointed Chairman of the tribunal. The Chairman shall be appointed within two months from the date of appointment of the other two members.

4. If within the periods specified in paragraph 3 of this Article the necessary appointments have not been made, either Contracting Party may, in the absence of any other agreement, invite the President of the International Court of Justice in Hague to make the necessary appointments. If the President is a national of either Contracting Party or if he is otherwise prevented from discharging the said function, the Vice-President shall be invited to make the necessary appointments. If the Vice-President is a national of either Contracting Party or if he too is prevented from discharging the said function, the Member of the International Court of Justice next in seniority who is not a national of either Contracting Party shall be invited to make the necessary appointments.

5. The arbitral tribunal reaches its decision on the basis of the provisions of the present Agreement, concluded between the Contracting Parties, as well as the generally accepted principles and rules of international law. The arbitral tribunal reaches its decision by a majority of votes. Such decision shall be final and binding on both Contracting Parties. The arbitral tribunal determines its own procedure.

6. Each Contracting Party shall bear the costs of its own member of the tribunal and of its representation in the arbitral proceedings. The costs of the Chairman and the remaining costs shall be borne in equal parts by the Contracting Parties.

ARTICLE 9

1. Disputes between an investor of one of the Contracting Parties and the other Contracting Party concerning obligations of the latter under this Agreement, in relation to an investment of the former, shall, as far as possible, be settled by the disputing parties in an amicable way.

2. If such disputes cannot be settled within six months from the date either party requested amicable settlement, the investor concerned may submit the dispute:

- a) to the competent court or arbitral tribunal of the Contracting Party, which is party to the dispute; or
- b) in case of disputes with regard to Articles, 5 and 6 of this Agreement, the investor concerned may choose, instead, to submit the dispute for settlement by arbitration to an ad hoc arbitral tribunal to be established under the Arbitral Rules of the United Nations Commission on International Trade Law (UNCITRAL).

3. The arbitral tribunal shall reach its decision on the basis of the national laws and regulations of the Contracting Party which is a party to the dispute, the provisions of the present Agreement, as well as the general principles of international law.

4. The decision of the arbitral tribunal shall be final and binding on the parties to the dispute and the Contracting Party shall execute the decision in accordance with its national legislation.

5. Each of the parties to the dispute shall bear the costs of its arbitrator and its representation in the arbitral proceedings and the costs of the Chairman and the remaining costs shall be borne in equal parts by the parties to the dispute.

ARTICLE 10

Should national legislation of the Contracting Parties or present or future international agreements applicable between the Socialist Republic of Vietnam and the Republic of Bulgaria or other international agreements, to which they are parties, contain regulations, whether general or specific, entitling investments by investors of the other Contracting Party to a treatment more favourable than is provided for by the present Agreement, such regulations shall to the extent that is more favourable prevail over the present Agreement.

ARTICLE 11

Each Contracting Party may suggest to the other Contracting Party to enter into consultation concerning all questions related to the implementation or interpretation of the present Agreement. The other Contracting Party shall make the necessary arrangements for holding these consultations.

ARTICLE 12

The provisions of this Agreement shall apply to investments made by investors of one Contracting Party in the territory of the other Contracting Party after its entry into force.

ARTICLE 13

1. This Agreement is subject to ratification or approval in accordance with the constitution of each Contracting Party and shall enter into force thirty days after the receipt of the notification with which the two Contracting Parties notify each other in writing that the respective constitutional requirements for the entry into force of this Agreement have been fulfilled, shall remain in force for a period of ten(10) years and shall be renewed automatically for successive period of five(5) years unless either Contracting Party notifies in writing at least twelve(12) months prior to its expiry the other Contracting Party of its decision to terminate the Agreement.

2. With respect to investments made prior to the date when notice of denunciation of this Agreement is received by the other Contracting Party, the provisions of Articles 1 to 12 shall remain in force for a further period of ten(10) years from that date.

In witness whereof the undersigned, duly authorised thereto by their respective Governments, have signed this Agreement.

Done in*Sophia*.... on ...*19th*.....*September*... in two originals in Vietnam, Bulgarian and English languages, all texts being equally authentic. In case of divergence of interpretation, the English text shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT OF
THE SOCIALIST REPUBLIC OF
VIETNAM :



FOR THE GOVERNMENT OF
THE REPUBLIC OF BULGARIA:



